

ĐIỀU LỆ CHARTER

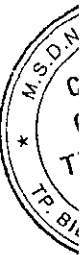
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ *INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY*

(BAN HÀNH THEO SỰ CHẤP THUẬN CỦA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY NGÀY 12/4/2018)

(ISSUED UNDER THE APPROVAL OF
GENERAL ASSEMBLY OF SHAREHOLDERS OF COMPANY ON APRIL 12, 2018)

SOAN THẢO THEO/ PREPARED AS PER:

- LUẬT DOANH NGHIỆP BAN HÀNH NĂM 2014;
LAW ON ENTERPRISES 2014;
- NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI SỐ 71/2006/QH11 NGÀY 29/11/2006 PHÊ CHUẨN NGHỊ ĐỊNH THƯ GIA NHẬP HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM;
RESOLUTION OF THE NATIONAL ASSEMBLY NO. 71/2006/QH11 ON 29/11/2006 APPROVED THE PROTOCOL OF PARTICIPATION OF WTO OF VIETNAM;
- LUẬT CHỨNG KHOÁN SỐ 70/2006/QH11 VÀ LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN SỐ 62/2010/QH12;
LAW ON SECURITIES NO. 70/2006/QH11 AND THE LAW ON AMENDING AND SUPPLEMENTING A NUMBER OF ARTICLES OF THE LAW ON SECURITIES NO. 62/2010/QH12;
- ĐIỀU LỆ MẪU BAN HÀNH THEO THÔNG TƯ SỐ 95/2017/TT-BTC NGÀY 22/9/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH.
SPECIMEN CHARTER ISSUED UNDER CIRCULAR NO. 95/2017/TT-BTC ON 22/9/2017 OF MINISTRY OF FINANCE.



NỘI DUNG
CONTENTS

PHẦN MỞ ĐẦU	7
<i>PREAMBLE</i>	7
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	7
<i>DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER</i>	7
Điều 1. Định nghĩa	7
Article 1. Definition	7
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
<i>NAME, FORM, HEAD-OFFICE, BRANCH(ES), REPRESENTATIVE OFFICE(S) AND OPERATION TERM OF THE COMPANY</i>	9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	9
Article 2. Name, form, head-office, branch(es), representative office(s) and operation term of the Company	9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:	10
Article 3. Legal Representative	10
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	11
<i>OBJECTIVES, BUSINESS AND OPERATION SCOPE OF THE COMPANY</i>	11
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty	11
Article 4. The business line and the objectives of the Company	11
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	12
Article 5. Business line and operation	12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	13
<i>CHARTER CAPITAL, SHARES AND FOUNDING SHAREHOLDERS</i>	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	13
Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders	13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	14
Article 7. Share Certificate	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	15
Article 8. Other security certificate	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	15
Article 9. Share transfer	15
Điều 10. Thu hồi cổ phần	15
Article 10. Share recovery	15

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	17
<i>ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND CONTROL</i>	17
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	17
Article 11. Organizational structure, management and control	17
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
<i>SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS</i>	17
Điều 12. Quyền của cổ đông	17
Article 12. Rights of the Shareholders	17
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	19
Article 13. Obligations of shareholders	19
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	20
Article 14. General Meeting of Shareholders	20
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Article 15. The rights and obligations of the General Meeting of Shareholders	23
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	26
Article 16. Authorized representatives	26
Điều 17. Thay đổi các quyền	27
Article 17. Change of rights	27
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	28
Article 18. Convening, agenda and announcing about meeting of the GMS	28
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	31
Article 19. Conditions for conducting the GMS	31
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	32
Article 20. Procedures for conducting the meeting and voting at the GMS	32
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	35
Article 21. Adopting the decisions of GMS	35
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	36
Article 22. Competence and procedures for opinion gathering in writing to adopt the resolutions of the GMS	36
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	39
Article 23. Minutes of the GMS	39
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	41
Article 24. Request for cancellation of resolutions of the GMS	41
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	41
<i>BOARD OF MANAGEMENT</i>	41

<i>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>41</i>
<i>Article 25. Nomination of members for the Board of Management.....</i>	<i>41</i>
<i>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>43</i>
<i>Article 26. Components and term of the members of the Board of Management</i>	<i>43</i>
<i>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....</i>	<i>44</i>
<i>Article 27. Authorization and obligations of the Board of Management</i>	<i>44</i>
<i>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</i>	<i>49</i>
<i>Article 28. Salaries, remunerations and other benefits of members of the Board of Management.....</i>	<i>49</i>
<i>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....</i>	<i>50</i>
<i>Article 29. The Chairman of the Board of Management.....</i>	<i>50</i>
<i>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</i>	<i>50</i>
<i>Article 30. Meetings of Board of Management</i>	<i>50</i>
<i>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....</i>	<i>55</i>
<i>Article 31. Sub-committees affiliated to the Board of Management.....</i>	<i>55</i>
<i>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</i>	<i>56</i>
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	57
THE GENERAL DIRECTOR, OTHER EXECUTIVES	57
<i>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....</i>	<i>57</i>
<i>Article 33. Organization of management structure</i>	<i>57</i>
<i>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....</i>	<i>58</i>
<i>Article 35. Appointment, removal, duties and powers of the General Director</i>	<i>58</i>
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	60
SUPERVISORY BOARD.....	60
<i>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</i>	<i>60</i>
<i>Article 36. Self-nomination and nomination of members for the Supervisory Board.....</i>	<i>60</i>
<i>Điều 37. Kiểm soát viên.....</i>	<i>61</i>
<i>Article 37. Members of the Supervisory Board.....</i>	<i>61</i>
<i>Điều 38. Ban Kiểm soát.....</i>	<i>62</i>
<i>Article 38. The Supervisory Board</i>	<i>62</i>
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	64
RESPONSIBILITIES OF BOM MEMBERS, SUPERVISORY BOARDS MEMBERS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES.....	64
<i>Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng</i>	<i>64</i>
<i>Article 39. The prudence responsibilities.....</i>	<i>64</i>

<i>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....</i>	64
<i>Article 40. Honest responsibilities and avoidance of conflicts of interests.....</i>	64
<i>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....</i>	66
<i>Article 41. Responsibilities for damage and compensation</i>	66
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	68
<i>RIGHT TO CHECK BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY.....</i>	68
<i>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....</i>	68
<i>Article 42. Right to check books and records</i>	68
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	69
<i>EMPLOYEES AND TRADE UNION</i>	69
<i>Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....</i>	69
<i>Article 43. Employees and Trade Union.....</i>	69
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	69
<i>PROFIT DISTRIBUTION.....</i>	69
<i>Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....</i>	69
<i>Article 44. Profit distribution.....</i>	69
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	71
<i>BANK ACCOUNT, RESERVE FUND, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING REGULATION</i>	71
<i>Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....</i>	71
<i>Article 45. Bank account.....</i>	71
<i>Điều 46. Năm tài chính</i>	71
<i>Article 46. Fiscal year.....</i>	71
<i>Điều 47. Chế độ kế toán</i>	71
<i>Article 47. Accounting regime.....</i>	71
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	72
<i>ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENT AND RESPONSIBILITY FOR PUBLICATION OF INFORMATION</i>	72
<i>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....</i>	72
<i>Article 48. Quarterly, biannual and annual financial statement.....</i>	72
<i>Điều 49. Báo cáo thường niên.....</i>	73
<i>Article 49. Annual report.....</i>	73
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	73
<i>COMPANY AUDIT</i>	73

Điều 50. Kiểm toán	73
Article 50. Audit	73
XVII. CON DẤU	74
SEAL	74
Điều 51. Con dấu	74
Article 51. Seal	74
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	74
TERMINATION OF OPERATION AND LIQUIDATION	74
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	74
Article 52. Termination of operation	74
Điều 53. Gia hạn hoạt động	75
Article 53. Extension of operation term	75
Điều 54. Thanh lý	75
Article 54. Liquidation	75
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	77
SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES	77
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	77
Article 55. Settlement of internal disputes	77
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	78
AMENDMENTS AND SUPPLEMENTATION OF CHARTER	78
Điều 56. Điều lệ Công ty	78
Article 56. Charter of the Company	78
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	78
EFFECTIVE DATE	78
Điều 57. Ngày hiệu lực	78
Article 57. Effective date	78

PHẦN MỞ ĐẦU
PREAMBLE

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Công ty) tổ chức chính thức vào ngày 12/4/2018, đồng thời thay thế Điều lệ ban hành ngày 12/04/2016.

This Charter is adopted by the valid Resolutions of General Meeting of Shareholders (GMS) of Interfoodd Shareholding Company (the Company) officially held on April 12, 2018 and replaces the Charter issued on April 12, 2016.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ
DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Điều 1. Định nghĩa

Article 1. Definition

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

In this Charter, the following terms shall mean as below:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

"Charter capital" means the capital contributed by all shareholders and prescribed in Article 6 of this Charter.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.

"The Enterprise Law" means the Enterprise Law No.68/2014/QH13 approved on November 26, 2014 by the National Assembly.

c. "Ngày thành lập" là ngày 16/11/1991, khi Công ty được cấp Giấy phép đầu tư lần đầu.

"Establishment day" is the date November 16, 1991, on which the Company was granted the Investment License for the first time.

d. "Người điều hành" là Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Giám đốc (BGĐ), Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.

"Executives" mean the Chairman of the Board of Management (BOM), members of the BOM, General Director, Deputy General Director, members of the Board of Directors (BOD), Chief Accountant and other executives ratified by the BOM.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

"Related person" means any individuals or organizations prescribed in Item 17 Article 4 of the Law on Enterprises and Item 34 of Article 6 of Law on Securities.

- f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua bằng Nghị quyết ĐHĐCĐ.

"Operation term" means the duration of the Company as provided at Article 2 of this Charter and extended time (if any) was passed by the resolution of GMS of the Company.

- g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

"Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam.

- h. "Nghị quyết 71/2006/QH11" là Nghị Quyết của Quốc Hội số 71/2006/QH11 ngày 29/11/2006 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định hành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

"Resolution 71/2006/QH11" means the Resolution of the National Assembly No. 71/2006/QH11 dated November 29, 2006 ratified the Protocol Joined Agreement Establishing the World Trade Organization (WTO) of the Socialist Republic of Vietnam.

- i. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2010.

"Law on Securities" means the Law on Securities no. 70/2006/QH11 ratified by the National Assembly dated June 29, 2006, effective from January 1, 2007 and the Law amending some articles of the Law on Securities No. 62/2010/QH12 ratified by the the National Assembly on November 24, 2010.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

In this Charter, all of references to one or some clauses or other documents shall cover their amendments or substituted documents.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

The headings (chapter, article included in this Charter) aim only to facilitate the reference of the content and do not affect the content of this Charter.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Words and terms which are defined in the Enterprise Law (if they are not contradictory with these subjects or contents) shall have the same meanings in this Charter.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

NAME, FORM, HEAD-OFFICE, BRANCH(ES), REPRESENTATIVE OFFICE(S) AND OPERATION TERM OF THE COMPANY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Article 2. Name, form, head-office, branch(es), representative office(s) and operation term of the Company

1. Tên Công ty:

Name of the Company:

- Tên tiếng Việt/ *In Vietnamese*: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ
- Tên tiếng Anh/ *In English*: INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY
- Tên giao dịch/ *Transaction name*: Interfood
- Tên viết tắt/ *Abbreviation name*: IFS

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

The Company is a shareholding company with the legal status compatible with the current Vietnamese laws.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Registered headquarter of the Company:

- Địa chỉ/ *Address*: Lô 13, Khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại/ *Tel*: (84) 251 – 3511138
- Fax: (84) 251 – 3512498 E-mail: contact@wonderfarmonline.com
- Website: www.wonderfarmonline.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

To achieve its objectives in accordance with Resolution of the BOM within the scope permitted by law, the Company may set up branch(es) and representative office(s) in business areas.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Unless the Company terminates its operation before the expiry of the operation term under Article 52 or extends its operation term under Article 53 of this Charter, the Company's operation term shall be unlimited from its Establishment day.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Article 3. Legal Representative

1. Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chairman of the BOM is the Company's legal representative.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Rights and obligations of the legal representative:

- a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Exercises the rights and fulfills the obligations when making transactions on behalf of the Company, represents the Company as the plaintiff, defendant, and person with relevant interests and duties before the arbitral tribunal, the court, exercises other rights and fulfills other obligations as prescribed by law.

- b. Phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Must reside in Vietnam and authorize other person(s) in writing to perform the legal representative's rights and obligations when leaving Vietnam. In this case, the legal representative is still responsible for the performance of delegated rights and obligations.

- c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

Perform the given rights and obligations in a truthful, careful manner to ensure the Company's lawful interests;

- d. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Act in the best interest of the Company; do not use information, secrets, business opportunities of the Company; do not misuse the position, power, or property of the Company for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

- e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện theo pháp luật đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Notify the Company of such legal representative and his/her related persons owning or having the controlling stake or shares in other enterprises.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY *OBJECTIVES, BUSINESS AND OPERATION SCOPE OF THE COMPANY*

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

Article 4. The business line and the objectives of the Company

1. Ngành nghề kinh doanh:

Business lines

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chi tiết: chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát có ga không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc.

Production of non-alcoholic beverages, mineral waters.

In detail: processing carbonated and non-carbonated fruit-juice, processing carbonated and noncarbonated soft drinks without alcohol or with low alcohol (less than 10%); production of filtered water.

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Chi tiết: chế biến thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm.

Processing and preserving aquatic and processed products from aquatic.

In detail: processing aquatic products into canned, dried, frozen, salted, vinegary products.

- Chế biến và bảo quản rau quả.

Chi tiết: chế biến nông sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm.

Processing and preserving of fruit and vegetables.

In detail: processing agricultural products into canned, dried, frozen, salted, vinegary products.

- Sản xuất các loại bánh từ bột.

Chi tiết: sản xuất các loại bánh.

Manufacture of cakes from flour.

In detail: production of cakes.

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn

Chi tiết: sản xuất các loại thức ăn nhẹ.

Manufacture of dishes, fast food.

In detail: production of snacks.

- Sản xuất bao bì bằng gỗ.

Chi tiết: sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát.

Manufacture of wooden packaging.

In detail: manufacturing packaging for food and beverage.

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa.
Chi tiết: sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát.
Manufacture of corrugated paper and paperboard and packaging of paper and paperboard.
In detail: manufacturing packaging for food and beverage.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
Chi tiết: sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát.
Manufacture of plastics products.
In detail: manufacturing packaging for food and beverage.
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu.
Chi tiết: sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát.
Manufacture of other fabricated metal products which are not categorized.
In detail: manufacturing packaging for food and beverage.
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
Processing milk and milk products.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
Exercising the rights to export and import of products suitable for business and production sectors of the Company in accordance with laws.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm tối đa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông; cải thiện đời sống, điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

The objectives of the Company are carrying out the business activities to optimize the benefit for the Company and shareholders; improving living and working condition and income of employees; fulfilling tax duties with the Government.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Article 5. Business line and operation

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

The Company is permitted to plan and carry out all business activities according to the provisions of the business registration certificate and this Charter in accordance with the legal provisions, and adopt appropriate measures to attain its objective(s).

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được ĐHCĐ thông qua.

The Company may carry out other businesses permitted by law and approved by the GMS.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

CHARTER CAPITAL, SHARES AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders

1. Vốn điều lệ của Công ty là 871.409.920.000 VNĐ (Tám trăm bảy mươi một tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).

The Company's Charter capital is 871,409,920,000 VND (Eight hundred and seventy-one billion, four hundred and nine million, nine hundred and twenty thousand VND).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 87.140.992 cổ phần với mệnh giá của cổ phần là 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần.

The total Charter capital of the Company is divided into 87,140,992 shares with the par value per share is VND 10,000 (ten thousand).

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

The Company can increase its charter capital only when it is approved by the GMS in accordance with provisions of law.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

The shares of the Company on the day passed this Charter are common shares. The rights and obligations which include the common shares are provided in Article 12, Article 13 of this Charter.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

The Company may issue other kinds of preferred shares after it is approved by the GMS in accordance with provisions of law.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

The name, address, the number of the share and details of the founding shareholders are provided in the enclosed Appendix 1 as prescribed by the Enterprise Law. This appendix is regarded as an integral part of this Charter.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.

The common shares shall be offered with priority to the existing shareholders in proportion to the rate of its own common shares in the Company, unless the GMS has other decision. The number of shares which are not subscribed by the shareholders shall be decided by the BOM. The BOM may distribute those shares to various entities under the conditions and by the modes, which the BOM deems appropriate, provided that those shares must not be sold under conditions which are more favourable than the conditions offered for sale to shareholders, unless the shares are sold via Stock Exchange by the auction method.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

The Company may buy shares of its own by the modes prescribed in this Charter and relevant laws. The shares repurchased by the Company shall be kept as treasury stocks and may be offered by the BOM for sale in the form complied with the provisions of this Charter, the Securities Law and relevant guidelines.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

The Company may issue other kinds of the securities as approved by the GMS and in accordance with the provisions of law.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Article 7. Share Certificate

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Shareholders of the Company are supplied with the share certificates respectively with the numbers of shares and the type of shares owned.

2. Chứng nhận cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

The share certificate is a certificate issued by the Company, a book entry or electronic database recording the shareholder's ownership of one or a number of shares in the Company. The share must bear sufficient information in accordance with Clause 1 Article 120 of the Law on enterprise.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Within fifteen (15) days from the date of submission of all required documents for the transfer of the share according to the provision of the Company or during two (02) months (or other period specified by issuance provisions) from the date of full

payment of money to purchase shares as specified in the plan to issue shares of the Company, the holders of shares are issued share certificate. The shareholders do not have to pay to the Company the cost of printing share certificates.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Where the share certificate has been lost, destroyed, or damaged, the shareholder of those shares may require new issuance of share certificate under conditions of evidence presentation of the ownership of shares and payment of all expenses related to the Company.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Article 8. Other security certificate

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có con dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Bond certificates or other certificates of securities of the Company are issued with the seal of the Company and signature of the legal representative of the Company.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Article 9. Share transfer

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

All shares are freely transferable unless otherwise specified by this Charter and other provisions of law. The stocks listed, subscribed for transactions on the Stock Exchange are transferred under the regulations of the law on securities and securities market.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

The shares that have not been fully paid are not transferable and can not enjoy relevant benefits such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued to increase the share capital from the owner's equity, the right to buy new shares offered for sale in accordance with provisions of law.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

Article 10. Share recovery

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

Where shareholders do not make in full and in due time payment to purchase shares, the BOM shall notify and have the right to request those shareholders to pay the remaining amount with interest on that amount and the costs arising to the Company due to not making sufficient payment.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

The above payment notice must specify the new payment period (at least seven (07) days from the date of sending notice), place of payment and the notice must specify the case of non-payment as required, the number of shares not yet paid will be recovered.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

The BOM has the right to recover the shares not paid in full and in due time if the requirements on the notice are not implemented.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

Shares recovered are considered the shares with the offering right specified in Clause 3 Article 111 of the Law on enterprise. The BOM may directly or authorize the sale, redistribution under the conditions and ways which the BOM deems appropriate.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay sáu (06) tháng công bố bởi Ngân hàng Ngoại thương tỉnh Đồng Nai vào ngày thanh toán kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

Shareholders holding the recovered shares must give up eligibility of those shares but still pay to the Company all relevant amounts plus interest under the six (06) month lending rate published by Vietcombank Dong Nai at the payment date from the recovery date to the payment date. The BOM reserves the right to enforce the payment of the entire share value at the time of recovery.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

The recovery notice is sent to the shareholders who possess the recovered shares which are withdrawn prior to the recovery day. The recovery is still valid in spite of shortcomings or negligence in sending notice.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND CONTROL

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Article 11. Organizational structure, management and control

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

Organizational structure, management and control of the Company includes:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
The General Meeting of Shareholder;
- b. Hội đồng quản trị;
The Board of Management;
- c. Ban Kiểm soát;
The Supervisory Board;
- d. Tổng Giám đốc;
The General Director.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Điều 12. Quyền của cổ đông

Article 12. Rights of the Shareholders

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Shareholders as the owners of the Company, having the rights and obligations corresponding to the number of shares and the types of shares they own. Shareholders are only responsible for the debt and other asset obligations of the Company to the extent of capital contributed to the Company.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

The common shareholders shall have the following rights:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
Attend and express their opinions in the GMS and exercise the right of voting directly or through the authorized representatives or through performance of remote voting;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
Receive dividends by the decision of the GMS;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

Transfer freely the fully paid shares according to the provisions of this Charter and the prevailing laws;

- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

Have priority to buy new offered shares corresponding to the ratio of common shares they own;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

Review, look up and extract information related to the shareholders and request the modification of incorrect information;

- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Access to information on the list of shareholders entitled to attend the GMS;

- g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

Review, look up and extract or photocopy the Company Charter, the book of minutes and resolutions of the GMS;

- h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;

In case the Company is dissolved or goes bankrupt, the shareholders shall receive a portion of the remaining assets in proportion to the ratio of shares owned to the Company after the Company has paid the payables (including debt obligations to the State, taxes, fees) and paid the shareholders of other types of shares of the Company in accordance with regulations of the law;

- i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

Request the Company to repurchase their shares in the cases prescribed by Article 129 of Enterprise Law;

- j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật

Other rights as prescribed by this Charter and the laws.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

Shareholder or group of shareholders holding at least 5% of the common shares for at least six (06) consecutive months or more shall have the following rights:

- a. Đề cử các thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 của Điều lệ này;

Nominate members of the BOM or the Supervisory Board as prescribed in Articles 25 and Article 36 of this Charter;

- b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Request the BOM to convene the GMS as prescribed in Articles 114 and 136 of Enterprise Law;

- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;

Check and receive the copy or the extract of the list of shareholders entitled to attend and vote at the GMS;

- d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

Request the Supervisory Board to check specific issues relating to the management and administration of the operation of the Company as it deems necessary. The request must be made in writing with full name, permanent address, nationality, citizen identification card, identity card, passport or other lawful personal identification for shareholders as individual; names, enterprise code or establishment decision, headquarters address for shareholders as organizations; the number of shares and time of registration of the shares of each shareholder, total number of shares of the group of shareholders and the percentage of ownership of shares of the Company; issues to be inspected and purposes of the inspection;

- e. Các quyền khác được quy định tại của pháp luật và Điều lệ này.

Other rights as prescribed in the law and this Charter.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Article 13. Obligations of shareholders

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

Common shareholders have the following obligations:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Comply with the Charter and the internal rules of the Company and abide the resolutions of the BOM and the GMS.

2. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

Participate in the GMS and exercise their voting rights through following forms:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Directly participate and vote at the meeting;*
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
Authorize a third party to participate and vote at the meeting;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
Participate and vote via online meeting, electronic voting or other electronic methods;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Send ballots to the meeting via mails, fax or e-mails.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
Make payment for the shares subscribed to buy as prescribed.
 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
Provide the correct address upon registration to buy shares.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
Fulfill other obligations as prescribed by the prevailing laws.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
Bear personal responsibilities when acting on behalf of the Company in any form to perform one of the following acts:
 - a. Vi phạm pháp luật;
Violate law;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
Conduct business and other transactions for personal benefit or serving benefits of other organizations or individuals;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
Make undue payment of debts before the financial risk for the Company.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Article 14. General Meeting of Shareholders

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
The GMS is the highest agent of the Company. The GMS shall hold an annual general meeting (AGM) once (01) a year. The AGM must be organized within four (04) months since the last day of the fiscal year.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính

tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

The AGM shall be convened by the BOM at a suitable venue. The AGM decides issues according to provisions of laws and the Company's Charter; especially approve the annual financial statements and the estimates for the following fiscal year. In cases where the auditor's report on the Company's annual financial statements contains material qualified opinions, the Company may invite the representatives of independent audit firm to attend the annual general meeting of shareholders to explain related contents.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

The BOM must convene the extra-ordinary general meeting (EGM) in the following cases:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

The BOM deems it necessary for the benefits of the Company;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

The annual, biannual or quarterly audited financial statements reflect the equity that has been lost one-half (1/2) compared with the figure of the beginning of period;

c. Số thành viên của HĐQT, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

The number of members of the BOM, the Supervisory Board is less than the number prescribed by laws or the number of members of the BOM decreases by over one-third (1/3) compared to the number of members prescribed in this Charter;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

The shareholder or group of shareholders prescribed in Item 3 Article 12 of this Charter requires the convening of the GMS. The requirement to convene the GMS must be in writing, in which states the reasons and purposes of the meeting with adequate signatures of shareholders concerned or a written request shall be made in multiple copies and each of which must be signed by a relevant shareholder;

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

The Supervisory Board requests the convening of a meeting if it has grounds to believe that the BOM members or other executives have seriously violated their obligations under Article 160 of the Enterprise Law or the BOM has acted or intends to act beyond the scope of its powers;

- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Other cases according to law and the Company's Charter.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

Convening the extra-ordinary general meeting:

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm (c) Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm (d) Khoản 3 và Điểm (e) Khoản 3 Điều này.

The BOM must convene the GMS within thirty (30) days from the date of the number of the remaining BOM members or Supervisory Board members under Point (c) Item 3 of this Article or get the requirements under Point (d) Item 3 or Point (e) Item 3 of this Article.

- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm (a) Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Where the BOM fails to convene the GMS as prescribed in Point (a) Item 4 of this Article, the Supervisory Board must replace the BOM to convene the GMS within the following thirty (30) days, according to Item 5 Article 136 of Enterprise Law.

- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm (b) Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm (d) Khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Where the Supervisory Board fails to convene the GMS under Point (b) Item 4 of this Article within the following thirty (30) days, shareholders or a group of shareholders with requirements under Point (d) Item 3 of this Article have the right to replace the BOM, the Supervisory Board to convene the GMS according to Item 6 of Article 136 of Enterprise Law.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

In this case, the shareholder or group of shareholders who convene the GMS shall have the right to request the business registration agency to supervise order and procedures for convening and conducting the meeting and making decisions

of the GMS. All expenses for convening and conducting the meeting of the GMS shall be reimbursed by the Company. These expenses do not include shareholders' expenditure incurred upon attending the GMS, including travel and accommodation expenses.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Article 15. The rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. ĐHĐCĐ họp thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

The AGM has the right to discuss and adopt the followings:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

Audited annual financial statements;

b. Báo cáo của HĐQT;

The BOM's report;

c. Báo cáo của Ban Kiểm soát;

The Supervisory Board's report;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

The Company's short-term and long-term development plans.

e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Other matters under the authority of the GMS.

2. ĐHĐCĐ họp thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

The AGM and EGM adopt the following issues:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

Adoption of the annual financial statements;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

Dividend rate to be paid annually for each type of shares in accordance with Enterprise Law and the rights closely associated with such shares. This rate is not higher than the level proposed by the BOM after consulting with shareholders at the GMS;

c. Số lượng thành viên của HĐQT;

Number of the BOM's member;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

Selection of independent auditing firm;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;

Election, dismissal, removal and replacement of members of the BOM and the Supervisory Board;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;

Total remuneration of the BOM members and remuneration report of the BOM;

- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
Supplementation and amendment of the Company Charter;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
Type of share and number of new shares issued for each type of shares and the transfer of shares of the founding members within the first three years from the establishment day;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
Division, separation, merger, consolidation or conversion of the Company;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
Re-organization and dissolution (liquidation) of the Company and designation of the liquidator;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
Inspection and handling of violations of the BOM or the Supervisory Board causing damages to the Company and shareholders of the Company;
- l. Việc thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm (bao gồm bất kỳ điều chỉnh, thay đổi, phụ lục hoặc bổ sung nào của kế hoạch kinh doanh hàng năm đó) của Công ty.
The approval of the annual business plan (including any amendments, modifications, addenda or additions thereto) of the Company;
- m. Quyết định giao dịch đầu tư/ bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
Decision on transaction of investment/ selling assets worth 35% or higher of total value of the Company's assets stated in the most recent audited financial statements;
- n. Trừ việc vay vốn đã được phê duyệt tại kế hoạch kinh doanh hàng năm, việc thực hiện quyền vay vốn của Công ty, việc nhận nợ của Công ty dưới hình thức vay có bảo lãnh hoặc bảo đảm, hoặc việc ký kết bất kỳ hợp đồng nào có liên quan đến việc vay đó, hoặc bất kỳ hợp đồng nào không phải là hoạt động kinh doanh thông thường (“Nợ”), nếu khoản Nợ đó từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty.
Except for the borrowing approved in the annual business plan, the exercise of the borrowing powers of the Company, the incurring of any indebtedness or liability by the Company in the nature of borrowing with any guarantee, security, or the entering into any agreement in connection with such borrowing, or any agreement other than ordinary course of business (the “Indebtedness”), where such Indebtedness worth 35% or higher of the total value of assets stated in the most recent audited financial statements of the Company.

- o. Việc Công ty thực hiện quyền cấp bảo lãnh hoặc bồi hoàn, nếu trách nhiệm được bảo lãnh hoặc bồi hoàn đó từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty.

The exercise of the Company's powers to provide guarantees or indemnities, where such guarantees or indemnities worth 35% or higher of the total value of assets recorded in the most recent audited financial statements of the Company.

- p. Việc thế chấp, cam kết hoặc các biện pháp bảo đảm khác đối với tài sản của Công ty, nếu thế chấp, cam kết hoặc biện pháp bảo đảm khác đó có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty.

The creation of any mortgage, charge or other encumbrance over the Company's assets or property, where such mortgage, charge or other encumbrance worth 35% or higher of the total value of assets recorded in the most recent audited financial statements of the Company.

- q. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

The Company re-purchases more than 10% of a type of share issued;

- r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Signing of contracts and transactions by the Company with the persons prescribed in Item 1 Article 162 of Enterprise Law with value being equal to or higher than 35% of the total value of assets of the Company stated in the most recent financial statements;

- s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Other issues under the provisions of law and this Charter.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

The shareholders are not entitled to vote in the following cases:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

Through the contracts prescribed in Item 2 of this Article if such shareholders or the persons relating to such shareholders are one party to the contract;

- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

The re-purchase of shares of such shareholders or any person relating to such shareholders except that the re-purchase of shares is made in proportion to the ownership of all shareholders or the re-purchase is made through order matching on the Stock Exchange or tender offer in accordance with provisions of law.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

All resolutions and other issues which have been put on the agenda shall be discussed and voted on at the GMS.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

Article 16. Authorized representatives

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

Those shareholders entitled to attend the GMS as prescribed by laws may authorize the organization or individual as their representatives to attend. In case there are more than one representative, the number of the shares and the number of the votes authorized for each representative must be identified.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

The appointment of the authorized representatives must be made in writing according to a standard form of the Company and must have the signature according to following provisions:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

In cases of individual shareholder as authorizer, the power of attorney must be signed by that shareholder and the individual or legal representative of the organization authorized to attend the meeting;

- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức ủy quyền và chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

In cases the organization shareholder is the authorizer, the power of attorney must be signed by the authorized representative or the legal representative of such authorizer and signed by the individual or legal representative of the organization authorized to attend the meeting;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp giấy ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

In other cases, the power of attorney must be signed by the legal representative of the shareholders and the person authorized to attend the meeting. The person authorized to attend the GMS must submit the power of attorney before entering the meeting hall.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Where a lawyer on behalf of the authorizer signs a certificate of representative appointment, the representative appointment in this case is only considered valid if the certificate of representative appointment is presented with the written authorization for the lawyer (if they were not previously registered with the Company).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

Unless otherwise specified in Item 3 of this Article, the vote of the authorized person to attend a meeting in the scope of authorization remains in effect when there is one of the following cases:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

The authorizer dies, is restricted from civil act capacity or loses civil act capacity;

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

The authorizer has cancelled the authorization appointment;

- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

The authorizer has cancelled the competence of the authorized person;

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

This provision does not apply in case of the Company receives notice of one of the above events before the opening of the GMS or before the meeting is re-convened.

Điều 17. Thay đổi các quyền

Article 17. Change of rights

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông

nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

The change or cancellation of the special rights attached to a type of preferred shares becomes effective when the shareholders holding at least 65% of the common shares attending the meeting have adopted and simultaneously voted by the shareholders holding at least 65% of the voting rights of the said preferred shares. The organization of meeting of the shareholders holding one type of preferred shares to approve the change of the above rights is valid only when there are at least two (02) Shareholders (or their authorized representatives) and holding at least one-third (1/3) the par value of the issued shares of that type. Where there is no sufficient number of deputies as mentioned above, the meeting shall be held within thirty (30) days later and the shareholders of that type (regardless of the number of people and number of shares) present personally or through authorized representatives are regarded as a sufficient number of delegates required. At the meeting of the shareholders holding the preferred shares mentioned above, the shareholders of that type present personally or through a representative may request a secret ballot. Each share of the same type has equal voting rights at the meetings mentioned above.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Điều lệ này.

Procedures for conducting such separate meeting shall be made similar to the provisions in Article 19 and Article 21 of this Charter.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Unless the terms of issuance of shares otherwise provided, the special rights attached to the preferred shares to some or all of the issues related to the distribution of profits or assets of the Company shall not be changed when the Company issued additional shares of the same type.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông **Article 18. Convening, agenda and announcing about meeting of the GMS**

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.

The BOM convenes the GMS, or the GMS is convened in the cases specified in Point (b) or (c) Item 4 Article 14 of this Charter.

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

The person who convenes the GMS must perform the following tasks:

- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;

Prepare a list of shareholders eligible to attend and vote at the GMS. The list of shareholders eligible to participate in the GMS shall be made not sooner than 05 days before the invitations to the GMS are sent;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

Prepare the agenda and contents of the general meeting;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

Prepare the documents for the general meeting;

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

Draft Resolution of the GMS according to the proposed contents of the meeting;

- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;

Determine the time and venue for organization of the GMS;

- f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

Notify and send notice of the GMS to all shareholders entitled to attend the meeting;

- g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Other tasks serving the general meeting.

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với trường hợp Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

The notice of the GMS shall be sent in a guaranteed method to all shareholders, at the same time published on the website of the Company, the State Securities Commission and the Stock Exchange (in case the Company listed or registered transactions). The convener of the GMS shall send the meeting invitations to all shareholders in the list of shareholders eligible to attend the meeting at least ten (10) days before opening day of the GMS (from the date on which the notice is sent or transferred legally with postage or put in the mailbox). The agenda of the GMS, the documents relating to the issues to be voted at the meeting shall be sent to the shareholders and/ or posted on the Company's website. In cases where the documents are not attached to the notice of the GMS, the meeting notice must state the website address so that the shareholders can access, including:

- a. Chương trình họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

Meeting agenda and documents used in the meeting;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

A list and specific information of the candidates in cases of election of members of the BOM, the Supervisory Board;

- c. Phiếu biểu quyết;

Ballots;

- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Form of appointment of authorized person to attend the meeting;

- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Draft Resolution applicable to each issue in the meeting agenda.

- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Shareholders or groups of shareholders, mentioned in Item 3 Article 12 of this Charter, are entitled to propose the issues included in the agenda of the GMS. The proposals must be made in writing and sent to the Company at least three (03) days prior the opening day of the GMS. The proposals must include the full names of the shareholders, permanent addresses, nationality, No. of citizen identification card, identity card, passport or other lawful personal identification for shareholders as individual; names, enterprise code or No. of establishment decision, headquarters address for shareholders as organizations; the number of shares and time of registration of the shares of each shareholder, total number of shares of the group of shareholders and the percentage of ownership of shares of the Company; the number and type of shares they hold, and the contents of the proposals for inclusion in the agenda.

- 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

The person who convenes the GMS has the right to reject a proposal mentioned in Item 4 of this Article in the following cases:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

The proposals are not sent in due time or with inadequate and improper content;

- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này:

At the time of proposal, the shareholders or groups of shareholders do not have at least 5% of the common shares in the period of six (06) continuous months as prescribed in Item 3 Article 12 of this Charter;

- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
The proposed issues are out of the scope of decision competence of the GMS;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Other cases as prescribed by the law and this Charter.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Article 19. Conditions for conducting the GMS

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

The GMS shall be conducted when the number of shareholders represents at least 51% of the shares with voting rights.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Where there is no sufficient number of delegates required within thirty (30) minutes from the time set for opening the meeting, the convener shall cancel the meeting. The GMS must be reconvened within thirty (30) days from the date planned to organize the first GMS. The second GMS shall only be conducted when there are participants as shareholders to attend the meeting represent at least 33% of shares with voting rights.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

When the second meeting is not conducted due to insufficient number of delegates within thirty (30) minutes after the time set for opening the meeting, the GMS for the third time can be convened within twenty (20) days from the date planned to organize the second GMS. In this case, the meeting shall be conducted regardless of the

number of votes of the attending shareholders and is considered to be valid and has the right to decide all issues expected to be approved at the first GMS.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Article 20. Procedures for conducting the meeting and voting at the GMS

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Before opening the meeting, the Company must perform the procedures for registration of shareholders and fulfill the registration until completing registration of the shareholders entitled to attend the meeting are present.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết các vấn đề trong nghị quyết tại đại hội, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành và không có ý kiến được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ về từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

When conducting the shareholder registration, the Company shall grant for each shareholder or authorized representative with the voting right a voting card on which shows the registration number, full name of the shareholder, the full name of authorized representative and the number of votes of those shareholders. When conducting the voting of issues in the resolutions at the meeting, a number of approving votes shall be firstly collected, a number of negative and abstaining votes are collected later and finally counting of approving, negative and abstaining votes for decision. A total number of approving, negative and abstaining or invalid votes of each issue shall be announced by the Chairman immediately after conducting the voting on that issue. The meeting shall elect the persons responsible for counting the votes or supervising the counting of votes at the request of the Chairman. The members of the vote counting committee shall be decided by the GMS based on the proposal of the Chairman but not exceed the number of persons prescribed by law.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

The shareholders or authorized representatives who arrive after opening the meeting may register immediately and has the right to participate and vote at the meeting after registration. The Chairman is not responsible to pause the meeting for

the late shareholders to make registration and the validity of the issues voted on previously shall remain unchanged.

4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

The Chairman of the BOM shall preside over the meetings convened by the BOM. If the Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining members shall elect one of them to preside over the meeting under the majority rule. Where a chairperson is not elected, the Chief of the Supervisory Board shall control so that the GMS can elect a chairperson of the meeting among the participants and the person with the highest votes shall be appointed as the chairperson of the meeting. In other cases, the person who signs to convene the GMS shall control the GMS to elect the chairperson of the meeting and the person with the highest votes shall be appointed as the chairperson of the meeting.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

The agenda and contents of the GMS must be ratified by the meeting during the opening session. The agenda must specify the time for each issue on the agenda.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

The Chairperson of the meeting can carry out the necessary activities to control the GMS legally and orderly and in conformity with the ratified agenda and let the meeting reflect the aspiration of majority of participants.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

The Chairperson of the meeting may postpone the meeting upon the consent or request of the GMS with sufficient participants in accordance with Item 8 Article 142 of the Law on enterprise.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

The person who convenes the GMS has the right to request shareholders or the authorized representatives attending the GMS to be subject to inspection or other legitimate, reasonable security measures. Where a shareholder or authorized representative refuses to comply with these regulations on inspection or the security measures mentioned above, the convener after considering carefully has the right to reject or drive out the shareholder or representative above mentioned from participating in the meeting.

9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

The person who convenes GMS, after careful consideration, shall be able to carry out the measures for the purpose:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;

To arrange seat at the meeting place of the GMS;

- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

To ensure the safety of everyone present at the meeting place;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

To facilitate the shareholders to attend (or keep on attending) the meeting.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

The person who convenes the GMS reserves the right to change the above measures and apply all necessary measures. The measures applicable may be the issuance of admission or using other forms of option.

10. Trong trường hợp cuộc họp của ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm họp ĐHĐCĐ có thể:

In cases GMS apply the measures above mentioned, the person who convenes the GMS, upon determining the location of the GMS, may:

- a. Thông báo cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp ĐHĐCĐ”);

Notify that the meeting shall be conducted at the place stated in the notice and the chairperson of the GMS is there ("Major place of the GMS");

- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp ĐHĐCĐ có thể đồng thời tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ; Thông báo về việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này;

Arrange, organize for the shareholders or authorized representatives, who could not attend the meeting under this Article or the persons who wish to participate in a location other than the major location of the GMS can simultaneously attend

the GMS. The notice of the GMS organization does not need to specify the measures of organization under this Article.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ ở Địa điểm chính của cuộc họp ĐHĐCĐ.

In this Charter (except otherwise required by circumstances), every shareholder is considered to participate in the GMS at the Major place of the GMS.

12. Hàng năm Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Annually, the Company organizes the GMS at least one (01) time. The AGM must not be held in the form of gathering opinions in written.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Article 21. Adopting the decisions of GMS

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và Khoản 1 Điều 17, tất cả các các nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp của ĐHĐCĐ tán thành.

Unless otherwise specified in Item 2 of this Article and Item 1 of Article 17, the resolutions of GMS on the following issues shall be adopted when 51% or more of the total votes of the shareholders entitled to vote are present personally or through an authorized representative present at GMS approved.

2. Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

The election of members of the BOM and the Supervisory Board shall comply with the cumulative voting provided Clause 3 Article 144 of the Law on enterprise.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ có thể được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản từ các cổ đông theo quy định tại Điều 22 dưới đây.

The resolutions of the GMS with regard to any issues under the authority of the GMS can be approved either by voting at the GMS or collecting the written opinions of the shareholders pursuant to Article 22 below.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Resolutions ratified by the GMS which are validated by 100% of the shareholders entitled to vote shall have immediate validity and effect despite procedural errors in the ratification of such resolutions.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Article 22. Competence and procedures for opinion gathering in writing to adopt the resolutions of the GMS

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

Competence and procedures for opinion gathering in writing to adopt the resolutions of GMS shall comply with the following provisions:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

The BOM has the right to gather shareholders' opinions in writing to adopt the resolutions of the GMS at any time if deems necessary for the benefits of the Company.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

The BOM must prepare the questionnaire, the draft of the Resolution of the GMS and other documents explaining the draft of resolution. The BOM must submit and publish documents to shareholders within a reasonable time for consideration and voting and must send at least fifteen (15) days before the expiration date of receipt of the questionnaire. The requirements and formalities for sending the written opinion form and attached documents shall comply with Item 3 Article 18 of this Charter.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

The written opinion form must have the following principal contents:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

Name and address of the head office, enterprise code;

- b. Mục đích lấy ý kiến;

Purpose for opinion compiling;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

Full name, permanent address, nationality, number of Citizen identification card, Identity card, Passport or other legal personal identification papers of

shareholder as individual; name, enterprise code or establishment decision number, headquarters address of shareholder as organizations or full name, permanent address, nationality, number of Citizen identification card, Identity card, Passport or other legal personal identification papers of authorized representative of the shareholder as organization; number of shares of each type and number of votes of the shareholders;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
Issues to be consulted for resolution adoption;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
Voting plan includes approval, disapproval and abstaining for each issue to be consulted;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
Time-limit for returning the completed written opinion form to the Company;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
Full name and signature of The Chairman of the BOM and of the legal representative of the Company.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

The completed written opinion form must bear the signature of the shareholder as individual or the legal representative of the shareholder as organization or individual, legal representative of the authorized organization.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

The written opinion form may be sent to the Company in the following manner:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
By post: Every written opinion form sent to the Company must be put into sealed envelopes. Envelopes must not be opened before counting;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
By fax or email: Written opinion form sent by fax or email must be kept confidential until the vote counting time.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

The completed written opinion form that the Company receives after the time-limit specified in the written opinion form or opened if sending via post or published

before the voting time if sending via fax or email shall be regarded invalid. If written opinion is not received, it shall be excluded from voting.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

The BOM shall count the votes and prepare minutes of the counting of votes under the supervision of the Supervisory Board or shareholders who do not hold the managerial positions in the Company. The minutes of counting of votes shall have the following principal contents:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

Name and address of head office, enterprise code;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

Purpose and issues to be consulted for approval of resolution;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

Number of shareholders with total numbers of votes has participated to vote, in which distinguishing the valid and invalid votes and methods of sending votes, including an appendix of list of the shareholders to vote;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

Total approving votes, disapproving votes and abstaining votes for each issue;

- e. Các vấn đề đã được thông qua;

Issues have been adopted;

- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Full name and signature of the Chairman of the BOM, the legal representative of the Company, the vote counter and of the supervisor of the vote counting.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Members of the BOM, the vote counter and the supervisor of the vote counting shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes of the counting of votes, jointly responsible for damages arising from resolution adopted by untruthful or inaccurate counting.

7. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và/ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

The minutes of votes counting shall be published on the Company's website within twenty four (24) hours and/ or sent to shareholders within fifteen (15) days as from the date of completion of vote counting.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

The completed written opinion form, the minutes of votes counting, the resolutions adopted and relevant documents enclosed with the written opinion form must be kept at the head office of the Company.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Resolutions adopted in the form of collecting written opinion of shareholders must be approved by shareholders representing at least 51% of the total number of shares with voting rights and shall have the same validity as a resolution passed in a meeting of the GMS.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Article 23. Minutes of the GMS

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh), và có các nội dung chủ yếu sau đây:

The GMS must be recorded in writing, may be recorded in audio or other electronic means of recordings. The meeting minutes must be made in Vietnamese (additional English is permitted) and has the following information:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, headquarters address, enterprise code;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
Time and location of the GMS;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
Agenda and contents of the meeting;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
Full names of the chairperson and the secretary;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
Summary of the meeting and opinions given at the GMS with regard to each issue on the agenda;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

The number of shareholders and total number of votes of attending shareholders; the list of registered shareholders, representatives of shareholders with the corresponding amount shares and votes;

- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Total votes on each issue in which specifying the voting method, numbers of valid votes, invalid votes, affirmative votes, negative votes and abstentions; corresponding ratio to total votes of attending shareholders;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Signatures of the chairperson and the secretary.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

The minutes made in Vietnamese and English shall have equal legal effectiveness. In case of any discrepancies between the Vietnamese version and the English version, the Vietnamese version shall prevail.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

The minutes of the GMS must be completed and ratified before the end of the meeting. The chairperson and the secretary are jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

The minutes of the GMS must be published on the website of the Company within 24 hours or sent to all shareholders within 15 days from the completion date of the meeting.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

The minutes of the GMS shall be regarded as evidence of the jobs conducted at the GMS unless there are objections about the content of the minutes in accordance with the specified procedures within ten (10) days after sending the minutes.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

The minutes of the GMS, list of registered shareholders with signatures, appointments of authorized representatives and relevant documents must be kept at the Company's headquarter.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Article 24. Request for cancellation of resolutions of the GMS

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

Within ninety (90) days from the date of receipt of the minutes of the GMS or minutes of the results of the written questionnaire counting from the shareholders, members of the BOM, Supervisory Board members and the General Director, the shareholder or group of shareholders mentioned in Item 3 Article 12 of this Charter shall have the right to request the court or the arbitrator to consider and cancel the decision of the GMS in the following cases:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

The order and procedures for convening the meeting or getting opinion in written of shareholders and making decisions of the GMS did not comply with provisions of Enterprise Law and this Charter, except the case provided in the Item 4 Article 21 of this Charter.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

The content of the resolution violated the law or this Charter. Where the decision of the GMS is canceled by decision of the court or arbitrator, the person who convenes the GMS can consider reorganizing the GMS within sixty (60) days by the order, the procedures stipulated in Enterprise Law and this Charter.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF MANAGEMENT

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Article 25. Nomination of members for the Board of Management

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu

làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

When the candidates have been identified, the information related to the candidates of the BOM must be included in the documents used for the GMS and published at least ten (10) days before the opening day of the GMS on the website of the Company so that shareholders can find out about the candidates before voting. The candidates of the BOM must make written commitments to provide truthful, accurate and reasonable information and to perform the tasks honestly if elected as members of the BOM. Published information related to the candidates of the BOM must include at least:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
Full name, date of birth;
 - b. Trình độ học vấn;
Educational qualifications;
 - c. Trình độ chuyên môn;
Professional qualifications;
 - d. Quá trình công tác;
Work experience;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
Companies of which they are the members of the BOM and other managing positions;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
Assessment reports on their contributions to the Company if they are currently members of the BOM of the Company;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
Interests related to the Company (if any);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
Full names of the shareholders or groups of shareholders nominating them (if any);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
Other information (if any).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến

80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

The shareholders holding common shares for at least six (06) consecutive months may include the voting rights of each person together to nominate the members of the BOM. Shareholders or groups of shareholders holding 5% to less than 10% of the total number of shares with voting rights may nominate one (01) candidate; from 10% to less than 30% may nominate up to two (02) candidates; from 30% to less than 40% may nominate three (03) candidates; from 40% to 50% may nominate up to four (04) candidates; from 50% to less than 60% may nominate up to five (05) candidates; from 60% to less than 70% may nominate up to six (06) candidates; between 70% and 80% may nominate up to (07) candidates; and from 80% to less than 90% may nominate up to eight (08) candidates.

3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Where the number of candidates for the BOM through nomination and self-nomination fails to reach the number as needed, the incumbent BOM may nominate additional candidates or organizes the nomination in accordance with the mechanism specified in the internal rules of corporate governance of the Company. The introduction of candidates by the BOM must be published clearly and must be approved by the GMS prior to the nomination according to law provisions.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Article 26. Components and term of the members of the Board of Management

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

The number of members of the BOM is five (05) people. Members of the BOM have a term of office up to 05 years and may be re-elected with unlimited number of terms.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

The composition of members of the BOM is as follows:

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn lên.

Total number of non-executive members of the BOM must occupy at least one third (1/3) of the total number of the BOM members. The minimum number of the BOM members of the non-executive is determined by the uprounding method.

3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
BOM members shall lose his/ her capacity as member of the BOM in the following cases:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
That member has no longer capacity as member of the BOM as prescribed by Enterprise Law or is prohibited by law to become member of the BOM;
 - b. Thành viên đó có đơn từ chức;
That member shall have resignation letter;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
That member suffers from mental disorder and other members of the BOM have expertise evidences to prove he or she has no longer acting capacity;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
That member is absent, failing to attend the BOM's meetings for six (06) consecutive months, except for force majeure;
 - e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
Be dismissed by decision of the GMS.
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
That member provides false personal information when sending to the Company as a candidate for the BOM;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other cases in accordance with the law and this Charter.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
The appointment of the BOM members must be published according to the provision of the law on security and the security market.
5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.
The BOM members may not be shareholder of the Company.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Article 27. Authorization and obligations of the Board of Management

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền thuộc của ĐHĐCĐ.
The Company's business activities and affairs must be subject to the supervision and implementation direction of the BOM. The BOM is the agency with full power to exercise the rights and obligations of the Company that are not under the competence of the GMS.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

The authorization and obligations of the BOM shall be prescribed by law, the Charter of the Company and the GMS. Specifically, the BOM has the following rights and obligations:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
Decide on strategies, medium-term development plans and the annual business plan of the Company;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
Define the operation objectives on the basis of the strategic objectives approved by the GMS;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
Appoint, dismiss, sign contracts and terminate contract with the General Director, other executives and make decision on their salary rate;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
Supervise and direct the General Director and other executives;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
Resolve the Company's complaint about executives as well as the decision to select representatives of the Company to resolve issues related to the legal procedures concerning such executives;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
Determine the Company's organizational structure, the establishment of subsidiaries, branches, representative offices and the capital contribution and purchase of shares of another company;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
Suggest the reorganization or dissolution of the Company;
- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
Determine internal rules of corporate governance of the Company after the approval of the GMS to protect shareholders;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
Approve the agendas and contents of the documents serving the GMS; convene the GMS or collect opinions for the GMS to ratify decisions;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

Suggest annual dividend rate; determine the time limit and procedures for payment of dividends;

- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
Suggest types of shares issued and total number of issued shares in each type;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
Propose the issuance of convertible bonds and warrant-linked bonds;
- m. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;
Decide the offering price of bonds, stocks in the case of authorization from the GMS;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên ĐHĐCĐ;
Submit audited annual financial statements and corporate governance reports to the GMS;
- o. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
Report to the GMS on the appointment of General Director from the BOM.
- p. Quyết định giao dịch đầu tư/ bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
Decision on transaction of investment/ selling assets less than 35% of total value of the assets of the Company stated in the most recent audited financial statements;
- q. Trừ việc vay vốn đã được phê duyệt tại kế hoạch kinh doanh hàng năm, việc thực hiện quyền vay vốn của Công ty, việc nhận nợ của Công ty dưới hình thức vay có bảo lãnh hoặc bảo đảm, hoặc việc ký kết bất kỳ hợp đồng nào có liên quan đến việc vay đó, hoặc bất kỳ hợp đồng nào không phải là hoạt động kinh doanh thông thường (“Nợ”), nếu khoản Nợ đó nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các giao dịch với người có liên quan.
Except for the borrowing approved in the annual business plan, the exercise of the borrowing powers of the Company, the incurring of any indebtedness or liability by the Company in the nature of borrowing with any guarantee, security, or the entering into any agreement in connection with such borrowing, or any agreement other than the ordinary course of business (the “Indebtedness”), where such Indebtedness is less than 35% of the total value of assets recorded in the most recent audited financial statements of the Company, other than related party transactions
- r. Thực hiện thẩm quyền của Công ty trong việc cấp bảo lãnh hoặc bồi hoàn, nếu bảo lãnh hoặc bồi hoàn đó có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các giao dịch với người có liên quan.

The exercise of the Company's powers to provide guarantees or indemnities, where such guaranty or indemnity is less than 35% of the total value of assets recorded in the most recent audited financial statements of the Company, other than related party transactions.

- s. Quyết định việc thế chấp, cam kết hoặc các biện pháp bảo đảm khác đối với tài sản của Công ty, nếu thế chấp, cam kết hoặc biện pháp bảo đảm đó có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các giao dịch với người có liên quan.

To create any mortgage, charge or other encumbrance over the Company's assets or property, where such mortgage, charge or other encumbrance is less than 35% of the total value of assets recorded in the most recent audited financial statements of the Company, other than related party transactions.

- t. Việc mở, đóng, thay đổi thông tin các tài khoản ngân hàng của Công ty;
The opening, closing, amending information of bank accounts of the Company;
- u. Tất cả các quyền và nghĩa vụ khác của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ này;

All other rights and obligations of the Company that are not subject to the authority of the GMS and the General Director as provided in the Charter;

3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

The following issues must be approved by BOM:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
Establishment of branches or representative offices of the Company;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
Establishment of the Company's affiliates;
- c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
The extent specified in Item 2 Article 149 of Enterprise Law and unless otherwise specified in Item 2 Article 135 and Item 1, Item 3 Article 162 of Enterprise Law must be approved by the GMS, the BOM shall decide on the implementation, amendment and cancellation of contracts of the Company;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
Appointment and dismissal of persons authorized by the Company as the Company's representatives and lawyers;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
Loans and the implementation of mortgages, warranties, guarantees and compensation of the Company;

- f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;
Investments not included in the business plan or the investments exceeding 10% of the value of the annual business plan;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
Purchase or sale of shares, contributed capital in other companies established in Vietnam or abroad;
- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
Valuation of assets contributed to the Company not in cash in the issuance of stocks or bonds of the Company, including gold, land use right, intellectual property rights, technology and know-how technology;
- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
The repurchase or recovery of no more than 10% of shares of each type offered within twelve (12) months;
- j. Quyết định giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
Decision on price of repurchase or recovery price of shares of the Company;
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
Business issues or transactions decided by the BOM need to have the approval to the extent of its authority and responsibility;
4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
The BOM must report to the GMS on its activities, specifically on its supervision over General Director and other executives in the financial year. Where the BOM fails to submit a report to the GMS, the annual financial report of the Company is considered invalid and not approved by the BOM.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
Unless otherwise specified by the law and the Company's Charter, the BOM may authorize its subordinates and executives to represent and handle work on behalf of the Company.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Article 28. Salaries, remunerations and other benefits of members of the Board of Management

1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

BOM members (excluding the authorized representative) shall receive remuneration for their work as the BOM members. Total remuneration for the BOM shall be decided by the GMS. This remuneration is divided to the BOM members as agreed upon by the BOM or divided in case no agreement is reached.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

The total amount paid to each member of the BOM including the remuneration, expenses, commissions, share purchase rights and other benefits earned from the Company, its subsidiaries and associated companies and other companies in which the BOM members are representatives of the contributed capital must be published in detail in the annual reports of the Company. Salaries of the member of the BOM must be shown separately in the annual financial statements of the Company

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

The BOM members holding executive position or performing other tasks that are beyond the scope of the common task of BOM member may be paid additional remuneration in the form of a remuneration package for each time, salary, commission, percentage of profits or otherwise as decided by the BOM.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban HĐQT hoặc ĐHCĐ.

BOM members are entitled to be paid all travel expenses, accommodation, meals and other reasonable expenses they had to pay when performing the responsibility of the BOM members, including expenses incurred in attending meetings of the BOM, or sub committees of the BOM or the GMS.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Article 29. The Chairman of the Board of Management

1. ĐHCĐ hoặc HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch.
The GMS or the BOM must select from among members of the BOM to elect the Chairman.
2. Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa ĐHCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
The Chairman of the BOM must prepare the agenda and documents, convene and preside at the GMS and BOM meetings, and other rights and obligations as specified in this Charter and Enterprise Law.
3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHCĐ.
The BOM Chairman shall be responsible to ensure that the BOM shall submit annual financial statements, activity report of the Company, the auditing reports and inspection reports of the BOM to shareholders at the GMS.
4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
The Chairman of the BOM can be deposed at the BOM's discretion. When the Chairman of the BOM resigns or is dismissed, the BOM must elect a substitute within ten (10) days.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Article 30. Meetings of Board of Management

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
If the BOM elects the Chairman, the Chairman of the BOM shall be elected during the first meeting of the term of the BOM within seven (07) working days from the end date of the election of the BOM for that tenure. This meeting is convened by the member with the highest number of votes or the highest percentage of votes. Where there is more than one (01) member with the highest number of votes or the highest percentage of votes, these members shall elect one (01) of them to convene a meeting of the BOM by majority rule.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ

tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

The BOM's Chairman shall convene the regular and irregular meetings of the BOM, set the agendas, time and place of the meetings at least five (05) days before the scheduled meeting date. The Chairman may convene a meeting whenever necessary, but at least one meeting for every quarter.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

The Chairman of the BOM shall convene a meeting of the BOM and must not delay without plausible reason, when one of the following subjects has written proposal to present the purpose of the meeting and the issues to be discussed:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

The General Director or at least five (05) other executives;

- b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

At least two (02) members of the BOM;

- c. Ban Kiểm soát.

The Supervisory Board.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp HĐQT.

The Chairman of the BOM shall convene a meeting of the BOM within seven (07) working days from the day on which the request mentioned in Item 3 of this Article is received. Where the Chairman of the BOM fails to convene the meeting under the proposal, the Chairman of the BOM shall be responsible for the damages caused to the Company; the persons who suggest the meeting specified in Item 3 of Article 30 may convene the meeting of the BOM.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Where there is a request from the independent audit firm to audit financial statements of the Company, the BOM's Chairman must convene the BOM's meeting to discuss the audit reports and situation of the Company.

6. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

The BOM's meetings are conducted in the Company's headquarters or any other address in Vietnam or abroad according to decisions of the BOM's Chairman and with consent of the BOM.

7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Notice of the BOM's meeting must be sent to members of the BOM and Supervisory Board members at least three (03) working days before the meeting. Members of the BOM may deny the notice of meeting in writing and this refusal may be changed or cancelled in writing by such member. Notices on the BOM's meetings must be made in writing in Vietnamese language and fully informed of the program, time and place of the meeting, contents of the discussed issues, together with the necessary documents on the matters to be discussed and voted on at the meetings and ballots of the members.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

The meeting notice shall be sent by post, fax, e-mail or other means, but must be ensured to get the address of each member of the BOM and each member of the Supervisory Board registered at the Company.

8. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Meetings of the BOM shall be conducted only when there are at least three-fourths (3/4) of the BOM' members present in person or through a representative (the authorized person) if approved by a majority of members of the BOM. In case there are not enough members to attend the meeting as prescribed, the meeting must be reconvened within seven (07) days after the first meeting. The second meeting reconvened shall be conducted if there is more than one half (1/2) of the BOM members attending the meeting.

9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

Meetings of the BOM can be held in the form of online conference between members of the BOM when all or some of the members are in different locations, provided that each member attending the meeting can:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

Listen to each of other BOM members to express their opinions in the meeting;

- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Express their opinions with all participants simultaneously. The discussion among members can be carried out directly by telephone or by other means of communication or combination of all these methods. The BOM members participating in such meeting is considered as "present" at the meeting. The meeting location is held in accordance with this regulation is the location where the group of the largest members of the BOM gather, or where the Chairman of the meeting is present.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

The decisions ratified in a meeting through telephone are held and conducted properly and effectively right at the end of the meeting, but must be confirmed by signatures in the minutes of all BOM members attending this meeting.

10. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

BOM members may send votes to the meeting via mails, fax or e-mails. In case sending their votes to the meeting via mail, fax, email, the vote must be in the sealed envelope and handed over to the Chairman of the BOM at least one hour before the opening. The vote will be unsealed in front of the witness of all attendants.

11. Biểu quyết:

Voting:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

Unless otherwise specified at Point (b) Item 11 Article 30, each BOM member or the person authorized as specified in Item 8 of this Article directly present personally at the BOM's meeting shall have one (01) vote;

- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức

cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

BOM members are not entitled to vote on the contracts, transactions or proposals of which such member or persons related to such members have the benefits and these benefits conflict or could conflict with the interests of the Company. BOM members are not included in the minimum member rate to be present to organize the BOM meeting on the decisions which such members do not have voting rights;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến mức độ lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

As prescribed at Point (d) Item 11 of Article 30, when issues arise in the meeting relating to the interests or the voting right of BOM members but such member do not voluntarily waiver of their voting right, the judgment of the Chairman is a valid and final decision except where the nature or extent of the interests of members of the BOM concerned has not been published in full;

- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm (a) và Điểm (b) Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Members of the BOM enjoying benefits from a contract prescribed in Point (a) and Point (b) Item 5 Article 40 of this Charter are considered to have significant benefits in the contract.

- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Members of the Supervisory Board have the right to attend and discuss in the meeting of the BOM but not to vote.

12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

The BOM members directly or indirectly enjoy benefits from a contract or transaction has been signed or expected to be signed with Company and know themselves to have benefits including shall be responsible for disclosing of that benefits in the first meeting in which the BOM discusses the signing of this contract or transaction. Where member of the BOM does not know himself and the person

concerned has interests at the time the contract or transaction is signed with the Company, this member of the BOM must disclose relevant interests in the first meeting of the BOM held after this member know that he/she has interests or will have interests in the transaction or contract as mentioned above.

13. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

The BOM shall adopt all resolutions and decisions on the basis that a majority of members of the BOM attending approve. Where the number of votes for and against is equal, the vote of the Chairman of the BOM is the decisive vote.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Resolutions through written comment: will be adopted based on the agreement of majority voting of BOM members who have the right to vote. Their validity is the same with the resolutions which is adopted in the meeting.

15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

The Chairman of the BOM shall transfer the minutes of the BOM's meeting to the members and the minutes is the true evidence of work that has been carried out in the meetings except there are objections on the content of the minutes within ten (10) days after transfer. The minutes of the BOM's meetings shall be made in Vietnamese and may be made in English. The minutes must be signed by the chairperson and the person making them.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Article 31. Sub-committees affiliated to the Board of Management

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

The BOM may establish the affiliated sub-committees to assist it on development policy, personnel, payroll and internal audit. The number of members of the sub-committees shall be decided by the BOM but there should be at least three (03) members including members of the BOM and external members. Non-executive BOM members should occupy a majority in the team and one of these members shall

be appointed as the head of the team under the decision of the BOM. The activities of the teams must comply with regulations of the BOM. Resolutions of the teams are effective only when a majority of the members attending and approving them at the meeting of the team are members of the BOM.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

The implementation of the decision of the BOM or of the sub-committee directly under the BOM or of the person as a sub-committee member of the BOM shall comply with the current provisions of law and the Company's charter.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

Article 32. Person(s) in charge of corporate governance

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

The BOM shall appoint at least one (01) person in charge of corporate governance to support the corporate governance effectively. The term of office of the person(s) in charge of corporate governance shall be decided by the BOM with a maximum of five (05) years.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

Person(s) in charge of corporate governance shall:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;

Be knowledgeable about law;

- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

Not work for the independent audit firm performing audits of the Company's financial statements;

- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

Other standards as prescribed by law, this Charter and decisions of the BOM.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

The BOM may remove the person(s) in charge of corporate governance if necessary, but not in contravention of the effective laws on labor. The BOM may appoint an assistant manager in charge of corporate governance from time to time.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

Person(s) in charge of corporate governance shall have the following rights and obligations:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
Advise the BOM on organization of convening the GMS in compliance with regulations and related works between the Company and shareholders;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
Prepare meetings of the BOM, Supervisory Board and GMS at the request of the BOM or the Supervisory Board;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
Advise on procedures of the meetings;
- d. Tham dự các cuộc họp;
Participate in the meetings;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
Advise on procedures for resolutions of the BOM in accordance with regulations of law;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
Provide financial information, copies of meeting minutes of the BOM and other information for members of the BOM and member of the Supervisory Board;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
Monitor and report to the BOM on the operation of publishing information of the Company;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
Ensure security of information in accordance with regulations of law and the Company's Charter;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
Other rights and obligations in accordance with regulations of law and the Company's Charter.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

THE GENERAL DIRECTOR, OTHER EXECUTIVES

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Article 33. Organization of management structure

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

Management system of the Company must ensure the management structure is responsible before the BOM and under the inspection and monitor of the BOM in daily business of the Company. The Company has one General Director, members of the Board of Directors, a chief accountant and other executive positions appointed by the BOM. The appointment, dismissal and removal of the above positions must be ratified by resolution of the BOM.

Điều 34. Người điều hành

Article 34. Executives

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm sự mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

At the request of the General Director and approval of the BOM, the Company shall be permitted to recruit other executives with the quantity and quality consistent with the structure and management regulation of the Company regulated by the BOM. Executives must be diligent to support the Company to achieve objectives in its operation and organization.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Salary, remuneration, benefits and other terms in the labour contract of the General Director are decided by the BOM and contracts with other executives are decided by the BOM after consulting with the General Director.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Article 35. Appointment, removal, duties and powers of the General Director

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo thường niên của Công ty.

The BOM shall appoint one (01) member of the BOM or another person as the General Director; signs contract in which prescribes the salary rate, remuneration and other benefits. Salary rate, allowances and other benefits of the General Director must be reported at the AGM and separately specified in the annual report of the Company.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

The tenure of the General Director is not over five (05) years and may be reappointed. The appointment may be invalidated on the basis of the provisions of

the labour contract. The General Director is not the person prohibited by law to hold this position and must comply with standards and regulations of law and the Company's Charter.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

The General Director has the following rights and obligations:

- a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

To execute the resolutions of the BOM and the GMS, business plans and investment plans of the Company approved by the BOM and the GMS;

- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

To decide all matters which do not require the decision of the BOM, including signing on behalf of the Company of financial and commercial contracts, organization and operation of daily production and business activities of the Company in accordance with the best management practices;

- c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Propose to the BOM corporate structuring plans and internal management rules of the Company;

- d. Kiến nghị số lượng và người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành để HĐQT quyết định;

To propose the number and types of executives that the Company needs to recruit for the BOM to appoint or dismiss in accordance with internal rules; and to propose salary, remuneration, other benefits of executives for the BOM to make decisions;

- e. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

To consult the BOM for decisions on number of employees, salary rates, allowances, benefits, appointment, dismissal and other terms related to their labour contracts;

- f. Vào cuối tháng Hai hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của kế hoạch kinh doanh phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

By the end of February of each year, the General Director must present the BOM for approval the detailed business plan for the next fiscal year on the basis of meeting the requirements of an appropriate business plan as well as the five (05) year financial plan;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

To propose measures to improve operation and management of the Company;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

To prepare annual, quarterly and long-term estimates of the Company (hereinafter referred to as estimates) for annual, quarterly and long-term management activities of the Company under the business plans. The annual estimate (including expected balance sheet, report on result of business and operation and report on cash flows) for each fiscal year must be submitted to the BOM for adoption and must include the information specified in the regulations of the Company;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Other rights and obligations under provisions of laws, this Charter and the internal rules of the Company and resolutions of the BOM, the labour contract signed with the Company.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

The General Director shall have responsibilities before the BOM and the GMS for implementation of duties and powers assigned and must make report to these agencies as required.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

The BOM may dismiss the General Director when agreed by the majority of BOM members having the right to vote attending the meeting and appoints the new General Director for substitution.

IX. BAN KIỂM SOÁT

THE SUPERVISORY BOARD

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Article 36. Self-nomination and nomination of members for the Supervisory Board

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

The self-nomination, nomination of member of the Supervisory Board shall be implemented similar to the provisions in Item 1, Item 2 Article 25 of this Charter.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Where the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and self-nomination fails to reach the number as needed, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize the nomination in accordance with the mechanism specified in the charter and the internal rule on corporate governance of the Company. The mechanism of nomination of candidates by the Supervisory Board must be published clearly and must be approved by the GMS prior to the nomination.

Điều 37. Kiểm soát viên

Article 37. Members of the Supervisory Board

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

The number of Supervisory Board member of the Company is three (03) people. Supervisory Board members have a term of office of up to 05 years and may be elected with unlimited number of terms.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc trường hợp sau:

Supervisory Board members must meet the criteria and conditions specified in Clause 1 Article 164 of Law on enterprises and the Company's charter and must not:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

Work in the accounting and finance departments of the Company;

- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Be a member or employee of the independent audit firm auditing financial statements of the Company over the last 3 years.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

Supervisory Board members shall elect one of them as the Chief of the Supervisory Board by majority rule. The Chief of the Supervisory Board must be an auditor or professional accountant working full-time at the Company. The Chief of the Supervisory Board has the following rights and responsibilities:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

Convene meetings of the Supervisory Board;

- b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

Request the BOM, the General Director and other executives to provide relevant information for report to the Supervisory Board;

- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ;

Prepare and sign reports of the Supervisory Board after consulting with the BOM for submission to the GMS.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

A Supervisory Board member shall be dismissed in the following cases:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp;

Not satisfying the criterion of a member of the Supervisory Board under provisions of Enterprise Law;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

Failing to perform his/ her rights and obligations for 06 consecutive months, except for force majeure events;

- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Tendering a resignation which is accepted;

- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Other cases as prescribed by law and this Charter.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

A Supervisory Board member shall be removed in the following cases:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

Failing to fulfill given tasks or duties;

- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

Committing serious or repeated violations against obligations of Supervisory Board member prescribed by Law on enterprises and the Company's charter;

- c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

By decision of the GMS.

- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Other cases as prescribed by law and this Charter.

Điều 38. Ban Kiểm soát

Article 38. The Supervisory Board

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

The Supervisory Board has the powers and obligations prescribed in Article 165 of Enterprise Law and following powers and obligations:

- a. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
Propose and recommend the GMS to grant approval for the independent audit firm to audit the financial statements of the Company;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
Assume their accountabilities to shareholders for monitoring activities;
 - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
Monitor financial status of the Company, legitimacy of activities of the BOM members, the General Director, other executives, coordination in operation between the Supervisory Board and the BOM, the General Director and shareholders;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
In cases of violation against regulations of law or the Company's Charter by a member of the BOM, the General Director and other executives, it must notify in written text to the BOM within forty eight (48) hours, asking the offenders to stop the violations and find solutions to tackle;
 - e. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp;
Report to the GMS as specified in the Law on enterprises;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter;
2. Thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.
The BOM members, the General Director and other executives must provide precise and full information and documents on management and operation of the Company at requests of the Supervisory Board. The person(s) in charge of corporate governance shall ensure that all copies of resolutions, meeting minutes of the GMS and the BOM, financial information, other information and documents provided to shareholders and BOM members must be provided to Supervisory Board members at the same time and forms which are provided to shareholders and BOM members.
 3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một

năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

The Supervisory Board may promulgate regulations on meetings of the Supervisory Board and mode of operation of the Supervisory Board. The Supervisory Board must meet at least two (02) times a year and the meeting is held only when at least 2/3 members of the Supervisory Board attend.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Salary, remuneration, and other benefit of members of the Supervisory Board are decided by the GMS. Members of the Supervisory Board shall be paid for accommodation and travel expenses, and other expenses incurred reasonably when they participate in meetings of the Supervisory Board or implementation of other activities of the Supervisory Board.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ***RESPONSIBILITIES OF BOM MEMBERS, SUPERVISORY BOARD MEMBERS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES***

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Article 39. The prudence responsibilities

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives are responsible for the execution of their duties, including duties as the sub-committee members of the BOM, honestly for the interests of the Company.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Article 40. Honest responsibilities and avoidance of conflicts of interests

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives must publish related interests as prescribed in Article 159 of the Law on enterprises and other relevant laws.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives are not allowed to use business opportunities that are profitable to the Company for individual purpose; at the same time not permitted to use information acquired by their positions for personal benefits or to serve the interests of any other organization or individual.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives are obliged to inform the BOM about all interests that may conflict with interests of the Company that they may enjoy through the economic entity, transactions or other individual.

4. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Unless otherwise provided by the GMS, the Company does not provide loans or guarantees to BOM members, Supervisory Board members, the General Director, other executives and individuals, organizations related to the above-mentioned members or legal entity who has financial interests, except the public companies and organizations related to its shareholders are companies in the same group or companies operating in a group of companies including parent companies-subsiidiaries, economic groups, and relevant laws specify otherwise.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

Contracts or transactions between the Company with one or many BOM members, Supervisory Board members, the General Director, other executives, partnership, association or organization that BOM members, Supervisory Board members, the General Director, other executives and persons related to them as members, or related to financial benefits shall not be disabled in following cases:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

For contracts valued at less than 35% of total asset value recorded in the most recent financial report, the key contents of the contract or transaction as well as the relationships and interests of BOM members, Supervisory Board member, the General Director, other executives have been reported to the BOM. At the same time, the BOM which has permitted the performance of such contract or transaction honestly by a majority of votes of the BOM members without relevant interests;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

For contracts valued equal to or greater than 35% of total asset value recorded in the most recent financial report, the key contents of the contract or transaction as well as the relationship and interests of BOM members, Supervisory Board members, the General Director, other executives are announced to shareholders having no relevant benefits with the rights to vote on that issue, and those shareholders have approved for the contracts or transactions;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

The contract or transaction is regarded as fairness and reasonability by an independent consultancy organization in all aspects related to the Company's shareholders at the time the transaction or contract is allowed for implementation by approval of the BOM or the GMS.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives and the organizations, individuals related to the above members are not allowed to use the information that is not permitted for publication or disclosure to other people to carry out the relevant transactions.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Article 41. Responsibilities for damage and compensation

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives who violate their honest and prudent obligations and responsibilities, fail

to fulfill their obligations with diligence and professional capability shall take responsibilities for the damage caused by their acts of violations.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

The Company compensates those who have, are or may become a party involved in the complaints, lawsuits and prosecution (including civil and administrative cases, and not the lawsuits initiated by the Company as the petitioner) if that person was or is a BOM member, Supervisory Board member, the General Director, other executives, employees, or representatives authorized by the Company or that person has been or is implementing at the request of the Company as BOM members, executives, employees, or authorized representative of the Company provided that he/ she has acted honestly and prudently and diligently for the benefits or without conflicts with the interests of the Company, on the basis of compliance with law and there is no evidence to confirm that that person has violated his/ her responsibilities.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

When performing tasks or executing works as authorized by the Company, BOM members, Supervisory Board members, executives, employees, or authorized representatives of the Company shall be compensated by the Company when becoming a party concerned in complaints, lawsuits and prosecution (except for the lawsuits where the petitioner is the Company) in the following cases:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

Have acted honestly, prudently and diligently for the benefits and not conflicted with the interests of the Company;

- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Comply with the law and there is no evidence to confirm the nonperformance of their responsibilities.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế

hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

The compensation expenses include accrued expenses (including attorney fees), judgment expense, fines, amounts payable arising actually or is considered to be reasonable when dealing with these cases in the framework of law allowed. The Company can buy insurance for these people to avoid the compensation liability above mentioned.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

RIGHT TO CHECK BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

Article 42. Right to check books and records

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

Shareholder or group of shareholders specified in Item 2 Articles 25 of this Charter may directly or through authorized persons, send a written request to check the list of shareholders, minutes of the GMS and to photocopy or extract such documents during working hours and at the Company's headquarters. Requests for checking by authorized representatives of shareholders must be accompanied by a written authorization of shareholders represented by that person or a certified copy of this written authorization.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

BOM members, Supervisory Board members, the General Director and other executives have the right to check shareholders registration books of the Company, list of shareholders and other books and records of the Company for purposes relating to their positions provided that such information must be kept confidential.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này;

The Company must keep this Charter and amendments of the Charter, business registration certificates, regulations, documents proving ownership of assets, resolutions of the GMS and the BOM, minutes of the GMS and the BOM, reports of the BOM, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books and documents as prescribed by law at the headquarters or another place, provided that shareholders and business registration agencies are informed of the document storage location;

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

The Company Charter must be published on the website of the Company.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

EMPLOYEES AND TRADE UNION

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

Article 43. Employees and Trade Union

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.

The General Director must make plans for the BOM to adopt issues related to recruitment, employee severance, salary, social insurance, benefits, rewards and discipline for employees and executives.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

The General Director must make plans for the BOM to adopt issues related to the Company's relationship with trade union organizations under standards, practices and best management policies, practices and policies specified in this Charter, Company's rule and current regulations of law.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

PROFIT DISTRIBUTION

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

Article 44. Profit distribution

1. ĐHCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

The GMS shall decide the payment of dividend rate and the form of an annual dividend payment from retained earnings of the Company.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

The Company does not pay interest for payable dividends or other amounts relating to a type of stocks.

3. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

The BOM may propose the GMS to adopt full or partial payment of dividends in stocks and the BOM is the executing agency of this resolution.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

In case of dividends or other amounts related to a type of stock is paid in cash, the Company shall pay in Vietnam Dong. The payment can be done directly or through the banks on the basis of the detailed information provided by shareholders. Where the Company has transferred in accordance with the bank account details provided by shareholders but those shareholders do not receive money, the Company is not responsible for the money that the Company has transferred to the shareholders. The payment of dividends on the shares listed/ registered for transaction in the stock exchange can be carried out through a securities company or the Vietnam Securities Depository Center.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Pursuant to Enterprise Law, Law on Securities, the BOM shall adopt a resolution to determine a specific date to close the list of shareholders. Based on that day, those who register as shareholders or owners of securities are entitled to receive dividends, interests, profit distribution, stocks, notices or other documents.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Other issues related to the profit distribution shall be made in accordance with law.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

BANK ACCOUNT, RESERVE FUND, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING REGULATION

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Article 45. Bank account

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;

The Company opens bank accounts in Vietnam or in foreign banks licensed to operate in Vietnam.

2. Theo sự chấp thuận trước của các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

Under prior approvals of competent authorities, in case of necessity, the Company may open bank accounts in foreign countries under provisions of law;

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

The Company shall conduct all payments and accounting transactions via Vietnamese-currency accounts or foreign-currency accounts at the banks where the Company opens accounts.

Điều 46. Năm tài chính

Article 46. Fiscal year

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

The fiscal year of the Company begins from the first day of January of each year and ends on the 31st day of December of the same year. The first fiscal year commences from the date of issuance of the business registration certificate (or investment certificate) and ends on the 31st of December after the date of issuance of such business registration certificate (or investment certificate).

Điều 47. Chế độ kế toán

Article 47. Accounting regime

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận;

The accounting regime that the Company uses is the Vietnam Accounting System (VAS), enterprise accounting system or special accounting system promulgated by competent authorities and approved by the Ministry of Finance.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải

chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

The Company sets up accounting books in Vietnamese and English. The Company shall keep accounting records according to law provisions on accounting and relevant laws. These records must be accurate, updated and sufficient to prove and explain the Company's transactions.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Accounting currency of the Company is Vietnamese dong. If the Company's revenues and expenditures are mostly in a foreign currency, the Company may use such foreign currency as the accounting currency and has to take legal responsibilities for such action and notify its supervisory tax authority.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENT AND RESPONSIBILITY FOR PUBLICATION OF INFORMATION

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Article 48. Quarterly, biannual and annual financial statement

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

The Company must make annual financial statements in accordance with law and regulations of the State Securities Commission and the audited report as prescribed in Article 50 of this Charter within 90 days after the end of each fiscal year, the Company shall submit the annual financial statements approved by GMS to the competent tax authority, the State Securities Commission, the Stock Exchange and the business registration agencies.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/ lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Annual financial statements must include statements of result of business operations reflecting honestly and objectively the situation of the Company's losses/ profits during the fiscal year, financial reports reflecting honestly and objectively the

situation of operation of the Company until the preparation time of the reports, the cash flow statements and notes to the financial statements.

3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

The Company shall establish and publish examined biannual financial and quarterly financial reports in accordance with provisions of the State Securities Commission and the Securities Exchange and submit them to concerned tax authorities and business registration agencies in accordance with provisions of Enterprise Law.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Audited annual financial statements (including auditor's opinions), examined biannual and quarterly financial reports must be published on the Company's official website.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Concerned organizations or individuals have the right to check or copy audited annual financial statements, examined biannual financial and quarterly financial reports during working hours, at the headquarters of the Company and must pay a reasonable fee for copying.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Article 49. Annual report

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

The Company must prepare and publish Annual Reports in accordance with law on security and security markets.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

COMPANY AUDIT

Điều 50. Kiểm toán

Article 50. Audit

1. Cuộc họp ĐHCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

The AGM shall appoint an independent auditing firm or adopt a list of independent auditing firms and authorize the BOM to decide on one of these units to audit financial statements of the Company for the subsequent fiscal year based on terms and conditions agreed with the BOM. The Company must prepare and submit annual financial statements to the independent auditing firm after the end of the fiscal year.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

The independent auditing firm shall check, confirm, prepare audit reports and submit to the BOM within two (02) months after the end of the fiscal year.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

The copy of audit reports shall be attached to annual financial statements of the Company.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

The independent auditors performing the Company's audit shall be allowed to attend the GMS, are entitled to receive notice and other information related to the GMS that shareholders are entitled to receive and express their opinions on issues related to the audit of financial statements of the Company.

XVII. CON DẤU

SEAL

Điều 51. Con dấu

Article 51. Seal

1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty. Số lượng con dấu của Công ty do HĐQT quyết định.

The BOM shall adopt the official seal(s) of the Company and the seal(s) fixed in accordance with regulations of law and the Company Charter. The quantity of the Company seal(s) is decided by the BOM.

2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

The BOM, the General Director use and manage the seal(s) in accordance with to current regulations of law.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

TERMINATION OF OPERATION AND LIQUIDATION

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Article 52. Termination of operation

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

The Company may be dissolved in the following cases:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
At the end of the period of operation of the Company, even after extension;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;
Being dissolved ahead of time by decision of the GMS;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
Be revoked the business registration certificate;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
Other cases prescribed by regulations of law.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hay phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

The dissolution of the Company occurs ahead of time (including extended period) shall be decided by the GMS and shall be implemented by the BOM. This decision on dissolution must be announced or approved by competent authorities (if required) as prescribed.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Article 53. Extension of operation term

1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.

The BOM shall convene the GMS at least seven (07) months before expiration of operation for shareholders to vote on the extension of the Company's operations at request of the BOM.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua.

The operation duration is extended when there is 65% or more of total unanimous votes of shareholders with the voting right present in person or through an authorized representative present at the GMS.

Điều 54. Thanh lý

Article 54. Liquidation

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

At least six (6) months before expiration of the Company's duration of operation or after a decision to dissolve the Company, the BOM must establish a Liquidation Committee including three (3) members. Two (02) members are nominated by the GMS and one (01) member is appointed by the BOM from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall prepare its operation regulations. Members of Liquidation Board may be selected from among employees of the Company or independent experts. All expenses related to the liquidation shall be prioritized for payment by the Company prior to other debts of the Company.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

The Liquidation Committee shall report to business registration agencies on the date of establishment and operation commencement date. Since that time, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all work related to the liquidation of the Company before court and administrative agencies.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau;

The proceeds from the liquidation to be paid in the following order:

- a. Các chi phí thanh lý;

Liquidation expenses;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

Unpaid salaries, severance, social insurance and other benefits of employees according to collective labour agreement and signed employment contracts;

- c. Nợ thuế;

Tax debts;

- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

Other debts of the Company;

- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước;

Remaining balance after payment of all debts from item (a) through (d) above shall be distributed to shareholders. Preferred shares are prioritized for prior payment.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Article 55. Settlement of internal disputes

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, các quy định giữa:

In case of disputes or complaints related to the operation of the Company, the rights and obligations of shareholders as stipulated in the Company Charter, Enterprise Law and other laws or regulations stipulating between:

- a. Cổ đông với Công ty;

Shareholders with the Company;

- b. Cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Shareholders with the BOM, the Supervisory Board, the General Director or other executives.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.

Parties concerned shall try to resolve disputes through negotiation and conciliation. Except for disputes related to the BOM or the Chairman of the BOM, the BOM Chairman shall resolve the disputes and require each party to present information related to the disputes within 60 working days from the date the disputes arise. In case of disputes related to the BOM or the Chairman of the BOM, any party may request the Chief of the Supervisory Board to appoint an independent expert to act as mediator for dispute settlement process. The parties shall bear their own costs related to negotiation and mediation procedures.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Bên thua kiện sẽ phải chịu toàn bộ chi phí trọng tài.

In case of failure to achieve reconciliation decision within six (06) weeks from the start of the process of reconciliation or if the mediator's decision is not accepted by the parties, any party may refer the dispute to be resolved by arbitration at the

Vietnam International Arbitration Centre at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VIAC) in accordance with its Rules of Arbitration. All arbitration fees shall be incurred by the losing party.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

AMENDMENTS AND SUPPLEMENTATION OF CHARTER

Điều 56. Điều lệ Công ty

Article 56. Charter of the Company

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định;

The amendment and supplementation of this Charter must be approved by the GMS;

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

In case there are provisions of law related to the operation of the Company have not been mentioned in this Charter or in the case of new provisions of law other than the provisions of this Charter, such provisions of law which, of course, shall apply and adjust the operation of the Company.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

EFFECTIVE DATE

Điều 57. Ngày hiệu lực

Article 57. Effective date

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế thông qua ngày 12/4/2018 tại Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;

This Charter including 21 Chapters, 57 Articles has been adopted by the GMS unanimously on April 12, 2018 in Dong Nai and approved the effect of full text of this Charter;

2. Điều lệ được lập thành tám (08) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

This Charter is made in eight (08) copies of equal value, in which:

- a. Bốn (04) bản nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành;

Four (04) copies submitted to the competent government bodies to implement the procedures of registration according to provisions of existing laws on enterprises and securities;

- b. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

Four (04) copies kept at the Headquarters of the Company.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

This Charter is unique and official one of the Company.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

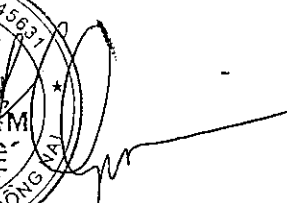
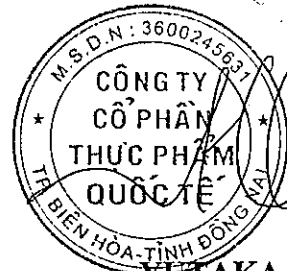
The copies or extracts of the Company's Charter shall only be valid only when they are signed by the Chairman of the BOM or at least one-half (1/2) of the total number of BOM members.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

The signatures of the Company's legal representative:

CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC

CHAIRMAN – GENERAL DIRECTOR



YUTAKA OGAMI
Ngày 12 tháng 4 năm 2018

ĐỒNG NAI

Phụ lục 1/ Appendix 1

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

List of founding shareholders of the Company

(Pursuant to 5th Amendment to Investment Registration Certificate issued on 14 May 2014 by DIZA)

STT/ No.	Tên/ Name	Nơi thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở đối với tổ chức/ <i>Registered residential address for individual or head office for organization</i>	Loại cổ phần/ <i>Type of share</i>	Số cổ phần/ <i>Number of shares</i>	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)/ <i>Value of shares (VND 1,000)</i>	Tỷ lệ góp vốn (%)/ <i>Contributed ratio (%)</i>	Số CMND/ hộ chiếu/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Quyết định thành lập/ <i>ID Card/ Passport No./ Business registration certificate number/ Certificate of incorporation number</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kirin Holdings Company, Limited	10-2, Nakano 4- chome, Nakanoku, Tokyo Japan	Phổ thông/ <i>Common</i>	22.184.486	221.844.860	44,25	0100-01-034768	Đã chuyển nhượng hết/ <i>All shares transferred.</i>
2	Yau Hau Jan	1034, Lorong Shariff, 05200 Alor Setar, Kedah, Malaysia	Phổ thông/ <i>Common</i>	81.139	811.390	0,16	A15695242	Không bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần/ <i>No more limit for transfer of share</i>